TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2019/DS-PT
Ngày 23 - 11 - 2019
V/v quyền về lối đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2019/TLPT-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc quyền về lối đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 256/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm: 1952

2. Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm: 1962

3. Ông Lê Văn T1, sinh năm: 1958

4. Anh Lê Quang T2, sinh năm: 1988

5. Anh Lê Minh N1, sinh năm: 1990

6. Chị Lê Thị Ngọc D1, sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: Ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Anh Phan Văn D2, sinh năm: 1989 là đại diện theo ủy quyền (Tại văn bản ủy quyền ngày 14/02/2019)

Địa chỉ: Ấp THN, xã TPT, huyện M, tỉnh B

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Thanh T3, sinh năm: 1968

2. Bà Trần Thị R, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: Ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn M1, sinh năm: 1950

2. Anh Phan Tuấn C1, sinh năm: 1977

3. Chị Dương Thị T4, sinh năm: 1982

Cùng địa chỉ: Ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của ông M1, anh C1, chị T4: Anh Phan Văn D2 là đại diện theo ủy quyền (Tại văn bản ủy quyền ngày 14/02/2019)

4. Anh Võ Minh B1, sinh năm: 1994

5. Anh Võ Minh A, sinh năm: 1994

Cùng địa chỉ: Ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của anh B1, anh A: Ông Võ Thanh T3, sinh năm: 1968 là đại diện theo ủy quyền (Tại văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019).

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Thanh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2019 của các nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phan Văn D2 là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn M1, anh Phan Tuấn C1, chị Dương Thị T4 trình bày như sau:

Bắt đầu từ lộ công cộng vào đến nhà của gia đình bà Nguyễn Thị Đ1, ông Phan Văn M1, anh Phan Tuấn C1, chị Dương Thị T4, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 phải qua thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B của gia đình ông Võ Thanh T3. Do ông T3 và ông Võ Thanh T5 là anh em ruột nhưng ông T5 không có đường đi nên ông T5 và ông T3 thỏa thuận trao đổi đất để làm đường đi. Vì đất của ông T3 là ở ngoài, kế đến là đất hộ gia đình bà Đ1, bà Đ2 và cuối cùng là đất ông T5 nên cả ba hộ bàn bạc thỏa thuận làm lối đi và hứa cho đi vĩnh viễn. Được sự đồng ý của ông T3, sau đó ba hộ gia đình nêu trên bơm cát bao bề mặt lộ có chiều ngang khoảng 2 m, chiều dài khoảng 44 m để bơm cát lấp mương và ra đường đi công cộng. Bắt đầu đi từ năm 2008 đến tháng 4/2018 thì gia đình ông T3 không cho gia đình bà Đ1, ông M1, anh C1, chị T4, bà Đ2, ông T1, anh T6, anh N2, chị D1 đi nữa và rào lại. Hiện nay, gia đình bà Đ1, ông M1, anh C1, chị T4, bà

Đ2, ông T1, anh T6, anh N2, chị D1 không có lối đi nào khác ra lộ công cộng để tiện việc sinh hoạt và học hành của con cháu. Lối đi mà ông T3, bà R trình bày thì những người này không đồng ý cho gia đình bà Đ1, ông M1, anh C1, chị T4, bà Đ2, ông T1, anh T6, anh N2, chị D1 đi, còn lối đi qua kênh thì đây là kênh rất lớn khoảng 12 m, kinh phí để xây dựng cầu rất lớn, gia đình bà Đ1, ông M1, anh C1, chị T4, bà Đ2, ông T1, anh T6, anh N2, chị D1 thuộc diện chính sách, hoàn cảnh khó khăn nên không đủ khả năng kinh tế để xây dựng và phần đất qua kênh chỉ mới quy hoạch làm lộ công cộng, hiện tại chưa có lộ công cộng.

Tại đơn khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1, anh Võ Minh A phải mở lối đi có chiều ngang 02 m, chiều dài 44 m, diện tích 88 m^2 thuộc một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp TĐ A, xã TB, huyện M. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1, anh Võ Minh A phải mở lối đi có chiều ngang 1,4 m, chiều dài tính từ thửa đất số 136 đến lộ công cộng, có chiều dài hai cạnh là 44,29 m và 44,34 m, chiều cao giới hạn của lối đi là 3 m thuộc một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B Vì phần lối đi này đã được tu bổ để đi từ thửa đất của ông T3, bà R, anh B1, anh A khoảng 40 m, tính từ mí ranh đất chỉ sử dụng chiều ngang khoảng 03 m, còn lại 37 m nên việc xây dựng nhà ở là đảm bảo được tốt nhất. Trên phần đất yêu cầu mở lối đi có 07 cây bưởi do ông T3, bà R, anh B1, anh A trồng ở chính giữa lối đi yêu cầu mở. Các nguyên đơn đồng ý bồi thường theo giá hội đồng định giá với diện tích đất và cây trồng trên đất. Anh đồng ý với kết quả đo đạc, định giá không có ý kiến nào khác. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, các nguyên đơn không yêu cầu bồi thường phần cát bơm trên đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Võ Thanh T3 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Minh B1, anh Võ Minh A trình bày như sau:

Trước đây, gia đình các nguyên đơn đi đường đi khác. Đến năm 2010, em ruột của ông là ông T5 xin mở đường đi tạm do có chủ sử dụng đất không cho đi nên gia đình ông có mở đường đi cho anh Tuấn đi. Từ đó, hộ gia đình bà Đ1, bà Đ2 có đi chung nhưng không có hỏi ý kiến gia đình cũng như không phụ dọn lối đi. Đến năm 2010, gia đình ông có cho gia đình các nguyên đơn bơm cát để chở vật liệu xây dựng nhà. Đến năm 2011, gia đình các nguyên đơn có bắt cầu đal, khi làm không hỏi ý kiến của gia đình ông nhưng gia đình ông không ngăn cản. Trên phần đất này, gia đình các nguyên đơn có bơm cát. Trong quá trình đi lối đi này, giữa gia đình các nguyên đơn và gia đình ông xảy ra tranh cãi, gia đình các nguyên đơn đánh bà R và có báo chính quyền địa phương lập biên bản. Phần đất gia đình các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi là của gia đình ông, gồm có ông, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1, anh Võ Minh A. Ngoài lối đi này thì nguyên đơn còn có thể đi 04 lối đi khác như sau:

Lối đi 1: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ2 qua mương đến đất ông Lê Văn T7, đến đất bà Lê Thị T8, đến đất ông Lê Văn B2, qua đất ông Lê Văn T9, qua đất ông Nguyễn Văn M2, qua đất ông Võ Tấn N3 đến lộ công cộng.

Lối đi 2: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ1 qua mương đến đất ông Lê Văn Bé, đến đất ông Lê Văn Trong, qua đất ông Nguyễn Văn M2, qua đất ông Võ Tấn N3 đến lộ công cộng.

Đối với hai lối đi này, khi ông trực tiếp đến hỏi ý kiến thì những người chủ sử dụng đất này cho gia đình bà Đ1, bà Đ2 đi qua phần đất của họ. Tuy nhiên, qua quá trình các nguyên đơn động viên không cho đi để các nguyên đơn được đi trên đất của gia đình ông thì khi Tòa án làm việc những người này lại không cho gia đình bà Đ1, bà Đ2 đi trên phần đất của họ.

Lối đi 3: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ1, nhà ông Nguyễn Văn Tài qua Kênh khoảng 10 m đến lộ công cộng, hiện tại chưa có lộ công cộng nhưng Nhà nước đang có quy hoạch làm lộ. Hiện tại, vẫn có ghe, tàu lớn lưu thông trên kênh này.

Lối đi 4: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ1 đến đất ông Mai Văn Bé T12, đến đất ông Lê Văn T11, qua đất ông Nguyễn Văn T10, qua kênh và đến lối đi công cộng. Hiện tại, lối đi này đã bị rào, không có đường đi.

Do diện tích đất của gia đình ông nhỏ, ngôi nhà của ông đang xây dựng nằm ở vị trí đường dây điện nên gia đình ông có dự kiến dời nhà sang vị trí khác sát với phần đường đi gia đình bà Đ1, ông M1, anh C1, chị T4, bà Đ2, ông T1, anh T6, anh N2, chị D1 yêu cầu nên ông không muốn nhà của gia đình gần sát đường đi. Chiều ngang thửa đất của gia đình ông giáp với lộ công cộng khoảng 40 m, phần lối đi nằm ở sát mí phía Tây thửa đất, đường dây điện nằm ở sát mí phía Đông thửa đất. Vì vậy, nay ông và anh B1, anh A không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của gia đình các nguyên đơn. Trên phần đất các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi, gia đình ông có trồng 07 cây bưởi da xanh ở chính giữa lối đi. Trong trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì ông yêu cầu các nguyên đơn có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình ông giá trị đất và cây trồng trên đất. Ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, không có ý kiến nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị R trình bày:

Bà thống nhất hoàn toàn phần trình bày của ông Võ Thanh T3, không bổ sung gì thêm. Nay bà không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của các nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu mở lối đi của các nguyên đơn qua phần đất của gia đình bà thì bà yêu cầu các nguyên đơn phải bồi thường giá trị đất và cây trồng. Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, không có ý kiến nào khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 171, 202, 203 Luật đất đai, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1.

Buộc ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A phải mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích 53,2 m^2 thuộc một phần

thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B Có tứ cận:

Phía Bắc: Giáp thửa 136 dài 1,2 m

Phía Nam: Giáp đường Bê tông dài 1,2.

Phía Đông: Giáp phần còn lại thửa 144 dài 44,33 m.

Phía Tây: Giáp phần còn lại thửa 144 dài 44,29m.

Đường đi có chiều cao 03m.

(Có họa đồ kèm theo)

Buộc ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A sử dụng hạn chế diện tích đất mà bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 sử dụng làm lối đi và buộc bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất theo quy định tại Điều 171 và Điều 95 của Luật đất đai.

2. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A giá trị phần đất mở lối đi với số tiền là 13.300.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 2.100.000 đồng (Hai triệu, một trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, bị đơn ông Võ Thanh T3 kháng cáo.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre nêu tóm tắt nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cho rằng Tòa án chưa thu thập và đánh giá đầy đủ các căn cứ để xem xét toàn diện vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Thanh T3 giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông T3 cho rằng các nguyên đơn có các lối đi khác như: Hộ bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Lê Văn T1 có lối đi bên phía đường đal là đường công cộng, hiện có 09 hộ đang đi; hoặc có thể bắt cầu qua kênh vì các hộ khác cũng bắt cầu qua kênh ra lộ công cộng; hoặc sửa lại đường đi cũ qua đất ông Lê Văn Tâm hoặc đi trên phần đất ông Mai Văn

Bé Tư rất thuận tiện. Còn nếu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn thì ông yêu cầu dời đường đi lên phía Đông thửa đất của ông vì phía Đông này có đường điện cao thế đi qua, ông phải dời nhà về phía đường đi mà nguyên đơn yêu cầu hoặc dời đường đi mà nguyên đơn yêu cầu về sát ranh với ông Mai Văn Bé Tư để tránh thiệt hại về cây trồng vì đường đi của nguyên đơn yêu cầu nằm gần giữa đất của ông, nếu mở đường đi như cấp sơ thẩm sẽ ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh T3 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phía các nguyên đơn: Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ1 có sử dụng diện tích đất 3.073,1 m^2 tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp TĐ A, xã TB, huyện M; hộ gia đình ông Lê Văn T1 có sử dụng 4.698,4 m^2 tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp TĐ A, xã TB, huyện M. Các nguyên đơn cho rằng phần đất của mình bị vây bọc bởi các phần đất của các chủ sử dụng khác, các nguyên đơn muốn đi ra đường công cộng phải đi qua phần đất của các chủ sử dụng khác, trong đó đường đi qua thửa đất số 144, có diện tích 1.780,4 m^2, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp TĐ A, xã TB, huyện M của ông Võ Thanh T3 và bà Trần Thi Rêu là thuận tiện nhất. Các nguyên đơn đã sử dụng lối đi trên phần đất của ông T3, bà R từ năm 2008 đến tháng 4/2018 thì phía gia đình ông T3 không cho đi nữa với lý do hộ gia đình các nguyên đơn làm nghề dệt chỉ xơ dừa nên phía bị đơn cho rằng khi xe chở chỉ đi ngang nhà bị đơn gây bụi, chứ ngoài ra các nguyên đơn không có mâu thuẫn gì khác với gia đình bị đơn. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía ông T3, bà R dành cho các nguyên đơn một lối đi qua thửa đất 144 để đi ra lộ công cộng.

[2] Về phía các bị đơn cho rằng: Hộ gia đình các bị đơn có sử dụng thửa đất số 144, có diện tích 1.780,4 m^2, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp TĐ A, xã TB, huyện M. Vào khoảng năm 2010, các bị đơn có cho em ruột là ông Võ Minh Tuấn làm lối đi tạm ra lộ công cộng, lúc đó các bị đơn tự ý đi cùng ông T5 lối đi này và có bơm cát để chở vật liệu vào làm nhà các nguyên đơn. Bị đơn cho rằng các nguyên đơn đi trên lối đi qua đất của bị đơn đến năm 2018 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, phía nguyên đơn nhiều lần đánh và xúc phạm gia đình bị đơn nên phía bị đơn không cho đi nữa. Ngoài lối đi qua đất của bị đơn thì các nguyên đơn còn 04 lối đi khác để đi ra lộ công cộng như:

Lối đi 1: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ2 qua mương đến đất ông Lê Văn Trách, đến đất bà Lê Thị Thành, đến đất ông Lê Văn Bé, qua đất ông Lê Văn Trong, qua đất ông Nguyễn Văn Mênh, qua đất ông Võ Tấn Nghiêm đến lộ công cộng.

Lối đi 2: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ1 qua mương đến đất ông Lê Văn Bé, đến đất ông Lê Văn Trong, qua đất ông Nguyễn Văn Mênh, qua đất ông Võ Tấn Nghiêm đến lộ công cộng.

Lối đi 3: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ1, nhà ông Nguyễn Văn Tài qua Kênh khoảng 10 m đến lộ công cộng, hiện tại chưa có lộ công cộng nhưng Nhà nước đang có quy hoạch làm lộ. Hiện tại, vẫn có ghe, tàu lớn lưu thông trên kênh này.

Lối đi 4: Từ nhà bà Nguyễn Thị Đ1 đến đất ông Mai Văn Bé Tư, đến đất ông Lê Văn Trưng, qua đất ông Nguyễn Văn Thi, qua kênh và đến lối đi công cộng. Hiện tại, lối đi này đã bị rào, không có đường đi.

[3] Xét thấy, phần đất của các nguyên đơn đã bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng. Bị đơn đưa ra 04 lối đi khác mà các nguyên đơn có thể đi để ra lộ công cộng thì có tới 03 lối đi là qua nhiều thửa đất của nhiều chủ sử dụng khác mới ra tới lộ công cộng và đường đi theo các lối đi này là chưa có. Riêng lối đi thứ 3 thì phải qua Kênh Giồng Keo (Kênh công cộng), có bề ngang 12 m. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng thống nhất Kênh Giồng Keo hiện tại tàu, ghe lớn vẫn còn đang lưu thông nên việc xây dựng cầu qua Kênh vừa đảm bảo an toàn đi lại, vừa để phương tiện thủy lưu thông phải tốn chi phí rất lớn, nếu như chưa có sự đầu tư của Nhà nước mà chỉ một số hộ dân thì không đủ điều kiện vật chất để xây dựng cầu. Hơn nữa, hộ gia đình các nguyên đơn thuộc diện chính sách, điều kiện kinh tế khó khăn, có người cao tuổi hết tuổi lao động. Về phần đất của các bị đơn thì có chiều dài khoảng 40 m, diện tích toàn thửa đất là 1.780,4 m^2, vị trí đất các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi là về phía Tây thửa đất, nhà của gia đình bị đơn là phía Đông, phần lối đi này cách mương ranh đất của bị đơn là 1,5 m nên nếu mở lối đi trên đất của bị đơn là thuận tiện, hợp lý nhất so với mở các lối đi khác. Ngoài ra, vào thời điểm năm 2010, gia đình các bị đơn đã bơm cát để chở vật liệu vào nhà, đến năm 2011 các nguyên đơn có bắt cầu dal. Mặc dù, các nguyên đơn không có hỏi ý kiến gia đình bị đơn nhưng gia đình bị đơn không ngăn cản nên đây cũng là căn cứ để xác định gia đình bị đơn cho các nguyên đơn đi trên lối đi này. Phía gia đình bị đơn cho rằng trong quá trình các nguyên đơn đi trên lối đi này thì hai bên có cự cãi và phía gia đình nguyên đơn có hành vi đánh bà R, ngoài ra gia đình các bị đơn chở chỉ sơ dừa trên lối đi này gây bụi bậm ảnh hưởng đến sức khỏe của gia đình bị đơn nên gia đình bị đơn không đồng ý cho các nguyên đơn mở lối đi trên đất của mình. Xét thấy, đối với hành vi gây mất an ninh trật tự và đánh người gây thương tích nếu sự việc có xảy ra, gia đình bị đơn có căn cứ thì có thể trình báo chính quyền địa phương để cơ quan có thẩm quyền có thể xử lý đối với các cá nhân vi phạm pháp luật, bảo vệ cho quyền lợi chính đáng của bị đơn. Còn đối với việc gia đình bị đơn vận chuyển chỉ sở dừa trên lối đi này thì phải có trách nhiệm tìm ra giải pháp để không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác. Từ những phân tích trên, thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu mở lối đi của các nguyên đơn trên phần đất của hộ gia đình ông T3 là có căn cứ.

[4] Đối với việc cấp sơ thẩm mở lối đi cho các nguyên đơn có chiều ngang 1,2 m, chiều cao không gian là 03 m là phù hợp, bởi lẽ từ nhà các nguyên đơn đi lối đi được mở trên đất của bị đơn là đã ra tới lộ công cộng, không phải qua phần đất nào khác, cũng như không có công trình kiến trúc nào khác cản trở nên chiều ngang của lối đi như vậy đã thuận tiện cho việc xe cộ qua lại và thích hợp với chiều dài lối đi khoảng 44 m. Hơn nữa, theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 16/4/2019 và lời trình bày của các đương sự xác định vị trí lối đi có chiều ngang 1,2 m có 07 cây bưởi từ 01 đến 02 năm tuổi nên cũng ít gây ra thiệt hại cho gia đình bị đơn và các nguyên đơn trả giá trị đối với phần lối đi cũng như giá trị cây trồng trên lối đi cho phía bị đơn cũng không quá sức với điều kiện kinh tế của các nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích trên, thấy rằng không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Ông Võ Thanh T3 kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới có giá trị chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Thanh T3 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh T3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 171, 202, 203 Luật đất đai, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1.

Buộc ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A phải mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích 53,2 m^2 thuộc một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp TĐ A, xã TB, huyện M, tỉnh B Có tứ cận:

Phía Bắc: Giáp thửa 136 dài 1,2 m

Phía Nam: Giáp đường Bê tông dài 1,2.

Phía Đông: Giáp phần còn lại thửa 144 dài 44,33 m.

Phía Tây: Giáp phần còn lại thửa 144 dài 44,29m.

Đường đi có chiều cao 03 m.

(Có họa đồ kèm theo)

Buộc ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A sử dụng hạn chế diện tích đất mà bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 sử dụng làm lối đi và buộc bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 thực hiện đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất theo quy định tại Điều 171 và Điều 95 của Luật đất đai.

2. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A giá trị phần đất mở lối đi với số tiền là 13.300.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 2.100.000 đồng (Hai triệu, một trăm nghìn đồng).

4. Về chi phí tố tụng tổng cộng là 1.619.000 đồng: Các nguyên đơn và các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham tố tụng với bên bị đơn mỗi người chịu ½ là 809.500 đồng. Do các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 đã tạm ứng nên buộc ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 số tiền 809.500 đồng (Tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Thanh T3, bà Trần Thị R, anh Võ Minh B1 và anh Võ Minh A phải liên đới chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Lê Văn T1, anh Lê Quang T2, anh Lê Minh N1, chị Lê Thị Ngọc D1 theo biên lai thu số 0000405 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thanh T3 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005455 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Thúy